

Lựa chọn giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường ở Đại học Đà Nẵng

ThS. Võ Đình Hợp

TÓM TẮT:

Thông qua thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trong nhà trường (TTNT) tại Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), qua phân tích SWOT về công tác GDTC của ĐHĐN, qua phỏng vấn các chuyên gia, nhà chuyên môn về lĩnh vực GDTC trường học; căn cứ vào mục đích mục tiêu nghiên cứu, từ đó đề xuất một số giải pháp (GP) nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC và TTNT của ĐHĐN.

Từ khóa: Giải pháp, giáo dục thể chất, thể thao trong nhà trường, sinh viên, Đại học Đà Nẵng.

ABSTRACT:

Through the current situation of physical education work (PEW) and sports activities at school at the University of Danang (UD), through SWOT analysis on the PE work of UD, through interviews with experts, professionals in the field of school physical education; Based on the purpose of the research, from which, proposing a number of solutions to contribute to improving the quality of the physical education and sports activities of UD.

Keywords: solutions, physical education, sports activities at school, students, University of Danang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất trong nhà trường góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, sự phát triển của nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố và tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đề ra các GP đúng đắn, hợp lý trong giai đoạn cụ thể hiện nay để giải quyết những vấn đề tồn tại bất cập của công tác GDTC và TTNT của ĐHĐN là việc làm thiết thực nhằm góp phần đào tạo những trí thức tương lai, nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước có đầy đủ sức khỏe, trí tuệ để cống hiến cho đất nước. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDTC và TTNT ở ĐHĐN là hết sức cần thiết.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phân tích SWOT, phương pháp điều tra phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng công tác GDTC và TTNT tại ĐHĐN

Thực trạng chất lượng GDTC và TTNT tại ĐHĐN về các điều kiện đảm bảo còn hạn chế như: Đội ngũ giảng viên tại ĐHĐN còn rất thiếu và chưa đảm bảo về số lượng giảng viên GDTC theo qui định. Cơ sở vật chất, sân bãi các trường thành viên ĐHĐN thiếu diện tích cho

tập luyện TDTT, đặc biệt là sân bãi để giảng dạy GDTC cho SV còn thiếu nhiều. Chương trình GDTC cho sinh viên (SV) đại học chính qui của ĐHĐN gồm 4 học phần: 120 tiết nhưng nội dung và hình thức tổ chức chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng và phong phú của SV. Số lượng SV tham gia hoạt động TTNT tại ĐHĐN còn rất hạn chế.

Kết quả xếp loại thể lực theo quyết định số 53/2008/BGDĐT của nam SV năm thứ nhất (18 tuổi), năm thứ hai (19 tuổi) tại ĐHĐN chưa cao, số SV chưa đạt thể lực theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn khá cao (trên 50%).

Về thể thao ngoại khóa: Hình thức tổ chức tập luyện TDTT cho SV ĐHĐN chưa tốt hầu hết là: SV tập luyện theo nhóm, lớp và tự tập, không có người hướng dẫn và tập vào buổi chiều sau giờ học. Số lượng SV tham gia các hoạt động TTNT còn rất hạn chế, chỉ có 18,88% tổng số SV.

Đây là những nguyên nhân đáng lo ngại về chất lượng công tác GDTC của ĐHĐN. Qua đó cần có những GP để nâng cao chất lượng công tác GDTC và TTNT tại ĐHĐN.

Bên cạnh những tồn tại điều kiện đảm bảo cũng có những điểm mạnh như: Khoa GDTC có đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, đầy nhiệt huyết, không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo.

SV quan tâm theo dõi hoạt động TDTT cũng khá tốt. Ở SV nam có mức độ quan tâm nhiều hơn đối với nữ SV. Hình thức theo dõi các hoạt động TDTT của SV ĐHĐN chủ yếu là qua internet và qua truyền hình.

SV ĐHĐN có mức độ yêu thích tập luyện thể thao khá cao, tổng mức độ thích và rất thích đạt từ 68,45 đến 78,71% ở cả nam và nữ trong từng năm học. Việc ưa thích môn học GDTC của SV cả nam và nữ ở mức độ bình thường.

Bên cạnh những tồn tại các điều kiện đảm bảo cho công tác GDTC tại ĐHĐN thì những điểm mạnh nêu trên là những thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng công tác GDTC.

2.2. Phân tích SWOT để chọn GP

Công cụ phân tích SWOT là công cụ rất phổ biến được sử dụng trong việc lập kế hoạch chiến lược và giải quyết các vấn đề của tổ chức. Mục đích của phân tích SWOT là nhằm xác định được các điểm mạnh và điểm yếu của một tổ chức và các cơ hội cũng như thách thức của tổ chức đó trong môi trường, lĩnh vực hoạt động. Qua việc xác định các vấn đề đó, các nhà quản lý sẽ đưa ra được các yếu tố chiến lược để phát triển hơn nữa các điểm mạnh, loại bỏ hay giảm thiểu các điểm yếu, khai thác các cơ hội có được và phản ứng tích cực với các thách thức. Cho đến nay, công cụ SWOT đã được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong nghiên cứu này, luận án đã dựa vào công cụ SWOT để đưa ra được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của công tác GDTC và TTTNT tại ĐHĐN. Qua kết quả phân tích SWOT, các thông tin thu được sẽ hỗ trợ cho việc xác định và đề xuất các GP phát triển nâng cao chất lượng công tác GDTC và TTTNT tại ĐHĐN trong tương lai.

Thực tế áp dụng phân tích SWOT vào công tác GDTC và TTTNT tại ĐHĐN.

Những thế mạnh (Strengths)

- S1: Đại học Đà Nẵng là đại học vùng trọng điểm quốc gia đa cấp, đa lĩnh vực, đa ngành là một trong những cơ sở đào tạo uy tín, đã khẳng định được thương hiệu sau hơn 45 năm hình thành và phát triển.

- S2: Có đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, đầy nhiệt huyết, không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo.

- S3: Chương trình GDTC cho SV đại học chính quy khá đa dạng và phong phú có học phần tự chọn và học học phần bắt buộc, có học phần cơ bản, học phần nâng cao và chương trình cho SV có sức khỏe yếu.

- S4: SV quan tâm theo dõi hoạt động, tham gia và yêu thích tập luyện thể thao khá cao.

- S5: ĐHĐN có nhiều mối quan hệ, liên kết với các trường thể thao, các đơn vị TDTT ở TP. Đà Nẵng để hỗ trợ sân bãi, dụng cụ tổ chức cho SV tập luyện TDTT và bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV GDTC.

Những điểm yếu (Weaknesses)

- W1: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, sân bãi phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập GDTC và TTTNT còn thiếu và chưa thực sự đáp ứng đầy đủ với yêu cầu của công tác đào tạo và nhu cầu tập luyện TDTT ngày càng cao của SV.

- W2: Chương trình môn học GDTC có nội dung và hình thức tổ chức chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng và phong phú của SV.

- W3: Số lượng đội ngũ GV của bộ môn còn thiếu và đa phần còn trẻ nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy.

- W4: SV thích học môn học GDTC chỉ ở mức trung bình

- W5: Nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa còn ít, chưa thật sự tạo ra nhiều sân chơi lành mạnh cho SV rèn luyện sức khỏe.

- W6: Thể lực của SV chỉ đạt mức trung bình, trên 50% không đạt theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những cơ hội (Opportunities)

- O1: Chủ trương và quyết tâm đổi mới giáo dục toàn diện của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục.

- O2: Lãnh đạo ĐHĐN đã và đang có nhiều quan tâm đến sự phát triển của công tác GDTC và TTTNT.

- O3: Giáo dục thể chất và TTTNT đang là một yêu cầu cơ bản và cấp thiết đối với SV.

- O4: Nhu cầu hoạt động TDTT gắn với giải trí thể thao ngày càng phát triển trong SV và đang trở thành nhu cầu và trào lưu của SV và mọi tầng lớp trong xã hội

Những thách thức (Threats)

- T1: Nhận thức của một bộ phận SV chưa cao đối với việc học tập GDTC và TTTNT.

- T2: Áp lực trong việc học tập các môn chuyên ngành khá cao khiến SV không còn thời gian cho các hoạt động TDTT.

- T3: Thời tiết khắc nghiệt, tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường gây ảnh hưởng đến công tác GDTC và TTTNT hàng ngày cho SV.

- T4: Sự hài lòng và yêu thích môn học GDTC của SV còn ở mức trung bình.

- T5: Yêu cầu cao về sự phong phú của các môn học, cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại, sân bãi đáp ứng cho nhu cầu học tập và rèn luyện của SV.

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh, điểm yếu của công

tác GDTC và TTTNT tại ĐHĐN và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài thông qua nội dung phân tích SWOT được trình bày tại bảng 3.26 qua đó xác định các GP nâng cao chất lượng GDTC và TTTNT tại ĐHĐN như sau:

Nhóm GP S-O:

- S1O1O2: Xây dựng các hệ thống văn bản, quy định chặt chẽ, chi tiết về chức năng, nhiệm vụ về công tác GDTC và TTTNT tại ĐHĐN.

- S1S2O3O4: Quy hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, GV cho Khoa GDTC đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hoá về trình độ.

- S1S2S5O3O4: Thường xuyên tổ chức các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ, GV như tham gia tập huấn, học tập ở trong nước và nước ngoài,...

- S3S4S5O1O2O3: Đổi mới nội dung và hình thức tổ chức chương trình môn học GDTC.

- S1S2O1O3O4: Tổ chức và đa dạng hoá các hoạt động TDTT ngoại khoá, thành lập các câu lạc bộ từng môn, nhiều môn, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao trong nhà trường. Có chế độ ưu tiên, khen thưởng xứng đáng cho SV tích cực tham gia tập luyện, thi đấu đạt thành tích cao.

Nhóm GP S-T:

- S1S2S3T3T5: Cần thường xuyên tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương các môn học theo hướng mới đảm bảo về kiến thức, kỹ năng và ngày càng đáp ứng nhu cầu tập luyện TDTT của SV.

- S1S2T5: Xây dựng mới, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo sự an toàn và phong phú, đa dạng sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động GDTC và TTTNT.

- S4T1T2T4: Tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho SV, giúp SV nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của GDTC và TTTNT qua đó phát huy vai trò chủ động trong học tập và rèn luyện

TDTT.

Nhóm GP W-O:

- W1W6O1O2: Đầu tư xây dựng mới khu liên hợp TDTT đa năng, nâng cấp sân bãi, nhà tập và trang thiết bị dụng cụ hiện có từng bước đáp ứng yêu cầu về đào tạo và rèn luyện TDTT cho đội ngũ cán bộ, GV và SV.

- W3O1O2: Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để cho GV trong Bộ môn được nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới, đảm bảo yêu cầu chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy và huấn luyện TDTT cho SV.

- W2W4O1O2: Đổi mới nội dung và hình thức tổ chức chương trình GDTC chính khoá theo nhu cầu và sở thích của SV.

- W5W6O3O4: Đa dạng hoá nội dung và hình thức tổ chức các CLB TDTT ngoại khoá thật sự tạo sân chơi lành mạnh cho CBVC, GV, SV tập luyện TDTT nâng cao sức khoẻ.

Nhóm GP W-T:

- W2W3W4T3T5: Nghiên cứu và nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy phát huy tính tự giác tích cực trong học tập và tập luyện TDTT trong SV.

- W3T4T5: Giảng viên tích cực, chủ động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao tinh thần tự nghiên cứu, rèn luyện bản thân, đáp ứng yêu cầu trong công tác giảng dạy, huấn luyện TDTT.

- W1W5T3T5: Xây dựng mới, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động GDTC và TTTNT.

- W4W6T1T2T4: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho SV, giúp SV phát huy vai trò tích cực chủ động trong học tập và rèn luyện TDTT nâng cao thể lực.

2.3. Phỏng vấn các chuyên gia, nhà chuyên môn về các GP sau khi phân tích SWOT

Sau khi phân tích SWOT, chúng tôi đưa ra các GP để

Bảng 1. Sơ đồ phân tích ma trận SWOT về công tác GDTC và TTTNT của ĐHĐN

Các yếu tố môi trường bên ngoài	Cơ hội: O O1 - O2 - O3 - O4	Thách thức: T T1 - T2 - T3 - T4 - T5
Các yếu tố môi trường bên trong		
Điểm mạnh: S S1 - S2 - S3 - S4 - S5	GP S-O: Phát huy điểm mạnh để tận dụng thời cơ: S1O1O2, S1S2O3O4, S1S2S5O3O4, S3S4S5O1O2O3, S1S2O1O3O4	GP S-T: Phát huy điểm mạnh để né tránh đe dọa: S1S2S3T3T5, S1S2T5, S4T1T2T4
Điểm yếu: W W1 - W2 - W3 - W4 - W5 - W6	GP W-O: Tận dụng cơ hội để khắc phục điểm yếu: W1W6O1O2, W3O1O2, W2W4O1O2, W5W6O3O4	GP W-T: Khắc phục điểm yếu hạn chế đe dọa: W2W3W4T3T5, W3T4T5, W1W5T3T5, W4W6T1T2T4

lấy ý kiến các chuyên gia, nhà chuyên môn gồm các GP sau:

GP 1: Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học GDTC theo hướng tích cực hóa, kích thích nhu cầu khởi gợi hứng thú tập luyện TDTT phát triển tính chủ động, sáng tạo, năng lực tự học, tự rèn luyện của SV.

GP 2: Đa dạng hóa nội dung và hình thức hoạt động thể thao ngoại khóa theo nhu cầu và điều kiện thực tiễn của ĐHĐN.

GP 3: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của GDTC và TTTNT.

GP 4: Xây dựng ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, tổ chức, triển khai trong giảng dạy GDTC và TTTNT tại ĐHĐN.

GP 5: Xây dựng kế hoạch quy hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên GDTC và TTTNT tại ĐHĐN đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chuẩn hoá về trình độ theo đúng qui định.

GP 6: Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, xây dựng thêm sân bãi, mua sắm thêm trang thiết bị dụng cụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và rèn luyện TDTT cho SV.

Chúng tôi tiến hành khảo sát 19 người gồm: 03 cán bộ quản lý ĐHĐN, 08 cán bộ quản lý và 08 giảng viên khoa GDTC ĐHĐN theo mức độ từng GP (mục đích, nội dung, đơn vị phối hợp, biện pháp thực hiện) theo từng mức độ đồng ý theo điểm từ 1 – 5 (1 điểm: rất không đồng ý, 2 điểm: không đồng ý, 3 điểm: Bình thường, 4 điểm: Đồng ý và 5 điểm: Rất đồng ý). Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 2.

3. KẾT LUẬN

Thông qua thực trạng công tác GDTC và TTTNT của ĐHĐN, qua nghiên cứu các đề tài liên quan, qua phân tích SWOT về công tác GDTC của ĐHĐN, qua phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, nhà chuyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BCHTW Đảng Khóa XI(2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo.*
2. Bộ Chính trị (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008, Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HSSV.*

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu của LATS giáo dục học "Nghiên cứu nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong Đại học Đà Nẵng", NCS Võ Đình Hợp.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16/9/2020; ngày phản biện đánh giá: 4/11/2020; ngày chấp nhận đăng: 18/12/2020)

Bảng 2. Kết quả khảo sát lựa chọn các GP nâng cao chất lượng GDTC và TTTNT tại ĐHĐN (n = 19)

TT	GP	Mức độ đánh giá	
		\bar{X}	S
Nhóm GP sư phạm			
GP 1	Tên GP	3.79	0.42
	Mục đích	3.84	0.37
	Nội dung GP	4.32	0.67
	Các đơn vị phối hợp	4.58	0.51
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.68	0.48
GP 2	Tên GP	3.79	0.42
	Mục đích	3.79	0.42
	Nội dung GP	4.47	0.51
	Các đơn vị phối hợp	4.74	0.45
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.53	0.51
Nhóm GP khác			
GP 3	Tên GP	3.79	0.42
	Mục đích	3.84	0.37
	Nội dung GP	4.32	0.67
	Các đơn vị phối hợp	4.58	0.51
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.68	0.48
GP 4	Tên GP	3.79	0.42
	Mục đích	4.47	0.51
	Nội dung của GP	4.74	0.45
	Các đơn vị phối hợp	3.53	0.51
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.79	0.42
GP 5	Tên GP	3.84	0.37
	Mục đích	4.32	0.67
	Nội dung GP	4.58	0.51
	Các đơn vị phối hợp	3.68	0.48
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.79	0.42
GP 6	Tên GP	3.79	0.42
	Mục đích	4.47	0.51
	Nội dung GP	4.74	0.45
	Các đơn vị phối hợp	3.53	0.51
	Biện pháp tổ chức thực hiện	3.79	0.42

môn; căn cứ vào mục đích mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã đề xuất hai nhóm GP sư phạm và nhóm GP khác gồm 06 GP nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC và TTTNT của ĐHĐN.